

CAM KẾT BẢO ĐẢM PHÁT HÀNH VÀ SỬ DỤNG THẺ TÍN DỤNG DOANH NGHIỆP 기업 신용카드 발급 및 이용에 대한 보증서

Kính gửi : Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam
("Ngân hàng Woori" hoặc "Ngân hàng") - Chi nhánh/PGD
베트남우리은행 ("은행") - 지점/출장소

Căn cứ Hợp đồng phát hành và sử dụng Thẻ ký bởi
Tôi/Chúng tôi số:
카드발급 및 이용 계약서 번호:

ký ngày
날짜

Theo đó, Tôi /Chúng tôi đề nghị Ngân hàng phát hành Thẻ với những thông tin sau:
본인 (우리)은 은행에 다음과 같은 정보로 카드 발급을 요청합니다:

I. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG TỔ CHỨC/ 기업고객정보

Tên Tổ chức / 기업명

Số ĐKKD/ĐKDN:
사업자등록번호

Mã số thuế:
세금코드

Số điện thoại:
전화번호

Địa chỉ Email:
이메일

Địa chỉ Doanh nghiệp:
기업 주소

Người đại diện hợp pháp/ 법적 대표자*

* Trường hợp người đại diện hợp pháp là người đại diện theo ủy quyền, yêu cầu cung cấp giấy ủy quyền hợp pháp bởi người đại diện theo pháp luật.
법적 대리인이 위임받은 대리인일 경우, 법적 대표자가 발행한 법률에 따른 위임장을 제출해야 합니다.
(Lưu ý / 유의사항: Thông tin Hộ chiếu chỉ áp dụng đối với khách hàng người nước ngoài/ 여권 정보는 외국인의 경우에만 적용)

Họ và tên/ 성명:

Số CC/ CCCD/ Hộ chiếu:
신분증/여권 번호

Ngày hết hạn:
만료일

II. THÔNG TIN THẺ/ 카드 정보

Loại thẻ/ 카드 종류:

☐ Thẻ Tín dụng quốc tế hạng Chuẩn
클래식 신용카드

☐ Thẻ Tín dụng quốc tế hạng Bạch Kim
플래티넘 신용카드

☐ Khác/ 기타:

Tổng hạn mức tín dụng:
총 신용한도

Số TK thanh toán :
결제계좌번호

III. THÔNG TIN TÀI SẢN BẢO ĐẢM/ 담보자산 정보

Bằng việc ký kết văn bản này, Tôi /Chúng tôi cam kết sử dụng (các) tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của Tôi /Chúng tôi là số dư tiền gửi trong tài khoản tiền gửi (sau đây gọi là "Tài khoản") bao gồm toàn bộ số tiền gốc, lãi (nếu có) mở tại Ngân hàng và/hoặc những loại tài sản bảo đảm khác (Nếu có) theo quy định/chính sách/hướng dẫn nội bộ liên quan của Ngân hàng thay đổi và/hoặc cập nhật theo từng thời kỳ, để bảo đảm cho các nghĩa vụ của Tôi /Chúng tôi đối với Ngân hàng phát sinh từ việc sử dụng Thẻ theo Hợp đồng, với thông tin chi tiết (các) tài sản bảo đảm như sau:

본 보증서를 통하여 본인 ("고객")은 계약서에 따른 카드이용으로부터 발생하는 은행에 대한 모든 의무를 보장하기 위하여 당행에서 개설된 예금계좌에 있는 원금 및 이자를 포함하는 예금 금액 및 기간별 은행의 내부규정에 따른 기타 담보자산(해당시)이 합법적으로 소유한 자산임을 확약합니다. 담보자산 세부정보는 다음과 같습니다:

Loại tài sản bảo đảm:
담보자산 종류

☐ Tiền gửi có kỳ hạn
정기예금

☐ Tiền gửi tiết kiệm
저축예금

☐ Khác/ 기타:

Số tài khoản tiền gửi:
예금계좌번호

Kỳ hạn:
기한

Số tiền gửi:
예금금액

Ngày đáo hạn:
만기일

TSDB khác (Nếu có):
기타 담보자산 (해당시)

IV. CAM KẾT CỦA KHÁCH HÀNG/ 고객 서약

Tôi/Chúng tôi cam kết và đồng ý vô điều kiện rằng:

본인(우리)은 다음과 같은 조건에 대하여 동의하고 서약합니다:

1. Ngân hàng sẽ thực hiện phong tỏa số toàn bộ số dư tiền gửi thuộc tài khoản tiền gửi nêu trên, bao gồm số tiền gốc, lãi phát sinh trong từng thời kỳ (Nếu có) để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ của Tôi/Chúng tôi phát sinh từ việc sử dụng Thẻ tín dụng theo Đơn đề nghị nói trên. Kỳ hạn của khoản tiền gửi sẽ được gia hạn cho đến khi Tôi/Chúng tôi hoàn thành toàn bộ và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ đối với tất cả các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi, phí thường niên và các chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng thẻ tín dụng và khi đóng thẻ tín dụng. Việc gia hạn khoản tiền gửi sẽ được thực hiện theo quy định của Ngân hàng trong từng thời kỳ. Trường hợp Ngân hàng trích thu nợ trên tài khoản tiền gửi có kỳ hạn/tiền gửi tiết kiệm thì số tiền trích trước hạn sẽ được hưởng lãi theo quy định/sản phẩm của ngân hàng từng thời kỳ.

본인은 신용카드이용에 대한 본인(우리)의 의무 수행을 보장하기 위해 원금 및 이자를 포함하는 예금 금액을 지급정지 처리합니다. 해당 예금의 만기는 본인(우리)이 신용카드 사용과 관련된 모든 채무(만기 도래 채무, 연체금, 이자, 연회비 및 기타 비용)를 모두 상환 및 신용카드를 해지할 때까지 자동으로 연장됩니다. 예금의 만기 연장은 각 시점에서 은행의 규정에 따라 이루어집니다. 은행이 정기예금 또는 저축예금에서 채무 회수를 위해 인출을 실행하는 경우, 만기일 전에 인출된 금액에 대해서는 해당 시점의 은행 규정 및 상품별 규정에 따라 적용되는 이율이 적용됩니다.

2. Tại bất kỳ thời điểm nào, Ngân hàng được toàn quyền chủ động trích (ghi Nợ) Tài khoản và thu một phần hoặc toàn bộ số dư tiền gửi nêu trên tại Tài khoản trong trường hợp và mục đích sau:

은행은 다음의 경우에 회원의 예금 계좌에서 일부 혹은 전체 금액을 출금할 수 있는 권한을 가집니다.

(a) Để thu các khoản nợ đến hạn, quá hạn, tiền lãi, phí thường niên, các chi phí, phí, các khoản tiền phạt, bồi thường thiệt hại và các chi phí phát sinh trong quá trình sử dụng Thẻ.

카드이용 과정에서 발생하는 청구금액, 연체금, 이자, 연회비, 환불금 및 기타 비용 회수의 경우;

(b) Để điều chỉnh các khoản mục bị hạch toán sai, hạch toán không đúng bản chất hoặc không phù hợp với nội dung sử dụng của Thẻ theo quy định của pháp luật.

법률 규정에 따라 잘못 기재되었거나, 본질에 맞지 않게 처리되었거나, 카드 사용 목적에 부합하지 않은 항목을 조정하는 경우;

(c) Để chi trả các khoản thanh toán thường xuyên, định kỳ theo thỏa thuận giữa Tôi/Chúng tôi và Ngân hàng mà những thỏa thuận này được thỏa thuận tại bất kỳ thời điểm trước hoặc sau ngày của Cam kết này.

본 보증서 체결일 전후와 상관없이 본인(우리)과 은행 간의 합의에 따라 정기적 또는 주기적으로 이루어지는 결제 금액을 지급하는 경우.

3. Các bên hiểu và đồng ý rằng việc cam kết đảm bảo của khách hàng theo nội dung tại văn bản Cam kết này không ảnh hưởng đến bất kỳ cam kết hoặc đảm bảo khác mà khách hàng đã ký kết với Ngân hàng tại bất kỳ thời điểm nào trước hoặc sau ngày của Cam kết này. Trong trường hợp Ngân hàng thực hiện trích (ghi Nợ) Tài khoản theo cam kết và thỏa thuận khác của khách hàng sẽ không ảnh hưởng đến quyền của Ngân hàng thực hiện trích (ghi Nợ) Tài khoản theo quy định tại Mục 2 nêu trên.

본 보증서에 따른 서약 내용을 이행하는 것이 본 보증서의 체결일 전후와 상관없이 회원과 은행 간의 기타 보증서 이행에 영향을 주지 않는 것에 동의합니다. 은행은 기타 보증서에 따른 예금계좌에서 인출한 경우, 제 2항의 규정에 따라 은행의 계좌 인출 권한에 영향을 주지 않습니다.

Khách hàng ký & ghi rõ họ tên/
성명 & 서명

_____, Ngày ____ / Tháng ____ / Năm ____
(일) (월) (년)

V. PHẦN DÀNH CHO NGÂN HÀNG/ FOR BANK USE ONLY

TIẾP NHẬN XỬ LÝ/ 실무직원	KIỂM TRA/ 검토직원	PHÊ DUYỆT/ 승인권자
Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 성명 & 서명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 성명 & 서명	Vui lòng ký & ghi rõ họ tên/ 성명 & 서명
Ngày ____ / Tháng ____ / Năm ____ (일) (월) (년)	Ngày ____ / Tháng ____ / Năm ____ (일) (월) (년)	Ngày ____ / Tháng ____ / Năm ____ (일) (월) (년)